

Bản dịch

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: **Ngài Lê Minh Hưng**
Thủ tướng Chính phủ
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Văn phòng Chính phủ
Số 1 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội, Việt Nam

Đồng kính gửi: *Bộ Khoa học và Công nghệ*
Bộ Ngoại giao
Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội
Đại sứ quán Việt Nam tại Washington, D.C

V/v: Quan ngại của Cộng đồng Doanh nghiệp Hoa Kỳ đối với Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ Nhân tạo của Việt Nam

Kính thưa Quý Ngài,

Các tổ chức đồng ký tên dưới đây ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý cho trí tuệ nhân tạo ("AI"). Trong bối cảnh các công nghệ AI đang phát triển nhanh chóng và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực, việc xây dựng các quy định hướng dẫn rõ ràng và khả thi sẽ có ý nghĩa quan trọng nhằm hỗ trợ phát triển AI một cách có trách nhiệm, đồng thời duy trì môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và đầu tư tại Việt Nam - phù hợp với các mục tiêu nêu tại Nghị quyết 57 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong bối cảnh này, các thành viên của chúng tôi đã xem xét Nghị định số 142/2026/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ Nhân tạo vừa được ban hành và bày tỏ quan ngại rằng một số điều khoản có thể vô tình hạn chế những lợi ích mà AI có thể mang lại cho Việt Nam. Chúng tôi xin nêu hai mối quan ngại trọng yếu và nêu vấn đề cụ thể.

Thứ nhất, Nghị quyết 57 nhấn mạnh rằng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cần đóng vai trò là đột phá chiến lược và động lực then chốt cho việc tăng trưởng tương lai của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, cách tiếp cận quản lý chặt chẽ cùng lộ trình áp dụng cho các hệ thống AI, đặc biệt là các hệ thống mới được đưa vào vận hành, có nguy cơ cản trở đổi mới sáng tạo, làm chậm quá trình triển khai các công nghệ mới và giảm động lực đầu tư, nghiên cứu cũng như thương mại hóa các

sản phẩm và dịch vụ AI tại Việt Nam. Những hạn chế này không chỉ làm chậm sự phát triển của một nền kinh tế số năng động, mà còn có nguy cơ làm suy giảm chính các mục tiêu của Nghị quyết 57 khi khiến Việt Nam gặp khó khăn hơn trong việc thúc đẩy tiến bộ công nghệ, tăng cường năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là một điểm đến hấp dẫn cho đổi mới sáng tạo số.

Thứ hai, tại Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ về Khuôn khổ Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng vào tháng 10 năm 2025, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tái khẳng định cam kết chung về việc hợp tác mang tính xây dựng nhằm giảm thiểu xung đột thương mại, giải quyết các rào cản phi thuế quan và hoàn thiện các cam kết về thương mại số, dịch vụ và đầu tư. Trong bối cảnh chiến lược rộng lớn đó, các quy định hướng dẫn thi hành về AI nếu quá hạn chế hoặc phát sinh gánh nặng vận hành không cần thiết có thể tạo ra những cản trở không đáng có đối với các doanh nghiệp cung cấp công nghệ và dịch vụ số của Hoa Kỳ, đồng thời gửi đi tín hiệu ngoài mong muốn rằng định hướng chính sách chưa hoàn toàn phù hợp với tinh thần hợp tác và hướng tới tương lai trong quan hệ song phương. Do đó, một cách tiếp cận quản lý AI cân đối hơn, thiết thực hơn và khuyến khích đổi mới sáng tạo hơn sẽ vừa phục vụ các mục tiêu phát triển trong nước của Việt Nam, vừa củng cố niềm tin vào cam kết của Việt Nam đối với các chính sách số mang tính xây dựng cũng như môi trường thương mại và đầu tư song phương ổn định, minh bạch và có thể dự đoán được.

Trên cơ sở các quan ngại nêu trên, chúng tôi kính đề xuất Chính phủ xem xét lại một số quy định của Nghị định:

- Áp dụng lộ trình triển khai theo từng giai đoạn đối với các hệ thống AI mới, phù hợp với lộ trình áp dụng dành cho các hệ thống AI hiện có.
- Đảm bảo có quá trình tham vấn công khai đầy đủ trong quá trình xây dựng danh mục AI có rủi ro cao, để ý kiến đóng góp từ cộng đồng doanh nghiệp có thể được tiếp thu.
- Làm rõ rằng các hệ thống AI đa dụng (“GPAI”) sẽ không bị xếp vào nhóm rủi ro cao hoặc rủi ro trung bình, trừ khi có các trường hợp sử dụng cụ thể thuộc nhóm rủi ro cao/trung bình.
- Cho phép doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận rộng rãi để đáp ứng các yêu cầu đối với AI rủi ro cao.
- Xây dựng các yêu cầu về gắn nhãn theo hướng thực tiễn, linh hoạt và trung lập về công nghệ hơn, và/hoặc làm rõ chủ thể có trách nhiệm phù hợp trong việc thực hiện các yêu cầu này.

Do vậy, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cân nhắc sửa đổi Nghị định để phản ánh các nội dung nêu trên, qua đó góp phần xây dựng khuôn khổ quản lý AI cân bằng, thực

tiến và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Chúng tôi cũng mong muốn tiếp tục trao đổi với các cơ quan và các bên liên quan nhằm thảo luận thêm về việc đưa các nội dung này vào Nghị định. Nội dung chi tiết đối với các quy định cụ thể được trình bày trong phụ lục đính kèm dưới đây.

Chúng tôi mong muốn tiếp tục đồng hành và đối thoại với Chính phủ Việt Nam nhằm góp phần bảo đảm việc triển khai khung pháp lý về AI của Việt Nam vừa bảo vệ lợi ích cộng đồng, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của hệ sinh thái AI và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Trân trọng,

<p style="text-align: center;"><i>Đã ký</i></p> <p>Adam Sitkoff Giám đốc Điều hành Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Hà Nội (AmCham)</p>	<p style="text-align: center;"><i>Đã ký</i></p> <p>Tiến sĩ Jared Ragland Phó Chủ tịch về Chính sách, khu vực châu Á - Thái Bình Dương Liên minh Doanh nghiệp Phần mềm (BSA)</p>
<p style="text-align: center;"><i>Đã ký</i></p> <p>Jason Oxman Chủ tịch và Giám đốc Điều hành Hội đồng Công nghiệp Công nghệ Thông tin (ITIC)</p>	<p style="text-align: center;"><i>Đã ký</i></p> <p>Sean Heather Phó Chủ tịch Cấp cao, phụ trách Chính sách Quốc tế Phòng Thương mại Hoa Kỳ</p>
<p style="text-align: center;"><i>Đã ký</i></p> <p>Bùi Thị Việt Lâm Đại diện Cấp cao tại Việt Nam Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN</p>	

Phụ lục: Đóng góp ý kiến chi tiết

Lộ trình triển khai đối với các hệ thống AI mới

Để đảm bảo khung pháp lý mới không vô tình cản trở đổi mới sáng tạo, chúng tôi kính đề xuất Chính phủ xem xét áp dụng cách tiếp cận triển khai theo từng giai đoạn. Mặc dù Điều 35 của Luật Trí tuệ nhân tạo có quy định thời gian chuyển tiếp đối với các hệ thống AI hiện có, các hệ thống AI mới lại không được áp dụng thời gian chuyển tiếp tương tự.

Luật Trí tuệ nhân tạo đã được thông qua vào tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2026, vì vậy sẽ phát sinh khoảng trống về thời gian chuyển tiếp đối với những hệ thống đang được chuẩn bị đưa vào vận hành sát thời điểm luật có hiệu lực. Điều này đặt ra nhiều thách thức thực tế cho các doanh nghiệp đang phát triển mô hình và hệ thống AI, đặc biệt là những đơn vị đã có sản phẩm sẵn sàng đưa ra thị trường. Các yêu cầu có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp. Việc yêu cầu phải tuân thủ ngay đối với các hệ thống mới đưa vào vận hành cũng có thể tạo ra rào cản gia nhập thị trường ngoài ý muốn, đồng thời làm giảm động lực phát triển sản phẩm mới và đầu tư vào hệ sinh thái AI đang phát triển tại Việt Nam.

Do đó, chúng tôi đề xuất xem xét áp dụng thời hạn chuyển tiếp kéo dài từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành đối với các hệ thống AI chưa được đưa vào hoạt động. Bên cạnh đó, chúng tôi kính đề xuất Nghị định khôi phục lại quy định miễn xử phạt hành chính đối với các vi phạm lần đầu trong thời gian chuyển tiếp. Quy định này sẽ giúp đảm bảo các biện pháp thực thi được áp dụng một cách hợp lý, không gây bất lợi cho các doanh nghiệp đang chủ động thực hiện tuân thủ quy định.

Xây dựng Danh mục hệ thống AI có rủi ro cao

Chúng tôi kính đề xuất Việt Nam dành một khoảng thời gian tham vấn đầy đủ trước khi xây dựng và hoàn thiện danh mục các hệ thống AI có rủi ro cao được quy định trong Nghị định hướng dẫn. Việc ban hành danh mục này mà không bảo đảm có giai đoạn tham vấn đầy đủ sẽ tạo ra sự thiếu chắc chắn đáng kể cho cộng đồng doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực AI tại Việt Nam. Chúng tôi cũng khuyến nghị áp dụng cơ chế tham vấn công khai đối với các lần cập nhật danh mục trong tương lai.

Phạm vi của hệ thống AI đa dụng (GPAI)

Chúng tôi kính đề xuất làm rõ rằng các hệ thống GPAI và các mô hình nền tảng khỏi việc mặc định bị phân loại là hệ thống AI rủi ro cao. Về bản chất, các công nghệ này được thiết kế để hỗ trợ nhiều ứng dụng cụ thể khác nhau, trải dài trên nhiều lĩnh vực và trường hợp sử dụng. Việc mặc định phân loại các hệ thống này vào nhóm hệ thống AI rủi ro cao sẽ không phản ánh đúng mục đích sử dụng, đồng thời áp đặt các nghĩa vụ chưa phù hợp với cách thức các hệ thống này được thiết kế và triển khai trên thực tế. Các nghĩa vụ áp dụng đối với AI rủi ro cao chỉ nên được đặt ra trong trường hợp hệ thống được thiết kế chuyên biệt và được triển khai có chủ đích cho các mục đích thuộc danh mục rủi ro cao. Đồng thời, trách nhiệm tuân thủ cần được phân bổ phù hợp cho từng chủ thể tham gia ở mỗi giai đoạn trong vòng đời của hệ thống AI – từ thiết kế, phát triển đến triển khai và vận hành – tương ứng với vai trò, bối cảnh hoạt động và khả năng của từng chủ thể trong việc nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng các hệ thống chỉ hỗ trợ quá trình ra quyết định của con người nhìn chung không nên được coi là rủi ro cao, do quyết định cuối cùng vẫn thuộc về người sử dụng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không ủng hộ việc phân loại toàn bộ lĩnh vực và ứng dụng là “rủi ro cao” một cách đồng loạt, bởi mức độ rủi ro của một công cụ AI phụ thuộc đáng kể vào từng trường hợp sử dụng cụ thể và bối cảnh kinh doanh. Do đó, cách tiếp cận phân loại áp dụng đồng loạt sẽ khó khả thi trên thực tế.

Việc làm rõ rằng hệ thống GPAI chỉ được coi là rủi ro cao khi được thiết kế hoặc triển khai cho mục đích rủi ro cao sẽ giúp đảm bảo khung pháp lý cân đối, dựa trên rủi ro và hỗ trợ đổi mới AI tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng khuyến nghị Nghị định làm rõ rằng các bên triển khai hệ thống AI rủi ro trung bình, như các hệ thống AI tạo sinh, có thể được coi là thuộc nhóm rủi ro thấp sau khi đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ liên quan về minh bạch, đánh dấu kỹ thuật và gắn nhãn hiển thị. Cơ chế này sẽ tạo động lực thúc đẩy tuân thủ, đồng thời bảo đảm các nghĩa vụ áp dụng đối với hệ thống AI rủi ro trung bình mang tính cân đối và tinh gọn.

Đánh giá rủi ro AI dựa trên khả năng và mục đích sử dụng

Trong quá trình xây dựng dự thảo Danh mục các hệ thống AI có rủi ro cao tại Việt Nam, một số bộ, ngành đã đưa ra các tiêu chí định lượng mang tính cứng nhắc trong cột “Phạm vi và điều kiện để phân loại”. Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị loại bỏ các ngưỡng số liệu cố định, bao gồm giới hạn về số lượng người dùng, tiêu chí địa lý, cũng như các chỉ số tính toán mang tính tùy nghi như năng lực xử lý hoặc khối lượng dữ liệu, khỏi khung phân loại. Các tiêu chí này chưa phản ánh đầy đủ mối liên hệ giữa khả năng

thực tế hoặc mức độ rủi ro của hệ thống AI, đồng thời tạo ra sự thiếu chắc chắn đáng kể trong quá trình tuân thủ. Thay vào đó, các hệ thống nên được đánh giá dựa trên các đặc tính nội tại của hệ thống, bao gồm mức độ tự chủ, khả năng thích ứng và phạm vi tác động, đồng thời xem xét bối cảnh sử dụng trong thực tế và các hệ quả tiềm ẩn, đặc biệt đối với sức khỏe, an toàn và các quyền cơ bản.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng việc sử dụng các ngưỡng về năng lực tính toán hoặc quy mô triển khai để làm tiêu chí chính để xác định rủi ro là chưa chính xác và có thể dẫn đến việc quản lý quá mức đối với các hệ thống không gây ra rủi ro mang tính hệ thống, đồng thời tạo thêm gánh nặng giám sát không cần thiết cho doanh nghiệp. Cách tiếp cận dựa trên khả năng của hệ thống và theo từng trường hợp sử dụng sẽ hiệu quả và hợp lý hơn, giúp bảo đảm quy định được áp dụng một cách cân đối, có trọng tâm và khuyến khích đổi mới sáng tạo, đồng thời vẫn xử lý hiệu quả các rủi ro thực chất mà không cản trở tiến bộ công nghệ.

Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế đối với yêu cầu dành cho hệ thống AI rủi ro cao

Chúng tôi khuyến khích Việt Nam xem xét áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế được thừa nhận rộng rãi, phù hợp với các nghĩa vụ quy định trong Luật. Đặc biệt, đối với các yêu cầu áp dụng cho hệ thống AI rủi ro cao, chúng tôi đề xuất quy định cụ thể khả năng sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp để đáp ứng các yêu cầu này (ví dụ: ISO/IEC 42001). Cách tiếp cận này sẽ góp phần đảm bảo tính tương thích và hài hòa với các thông lệ quốc tế.

Yêu cầu về gắn nhãn

Chúng tôi đề xuất cho phép áp dụng các phương pháp đánh dấu tiên tiến, trung lập về công nghệ, chẳng hạn như watermark ẩn và các công cụ chứng thực nguồn gốc dựa trên siêu dữ liệu, như là các giải pháp thay thế cho việc bắt buộc sử dụng nhãn hiển thị trực quan. Trong bối cảnh này, các tiêu chuẩn về xác thực nguồn gốc do ngành công nghiệp phát triển (ví dụ như tiêu chuẩn của Liên minh về Nguồn gốc và Xác thực Nội dung – C2PA) có thể được sử dụng làm khuôn khổ tham chiếu hữu ích. Các quy định cần được xây dựng theo hướng linh hoạt, bảo đảm các hệ thống áp dụng các phương thức được công nhận như C2PA, cũng như các giải pháp có chức năng tương đương, đều có thể được coi là đáp ứng yêu cầu của pháp luật.

Các phương pháp tiên tiến này có độ bền cao hơn, khó bị can thiệp và giúp bảo toàn chất lượng thẩm mỹ cũng như trải nghiệm người dùng đối với các tác phẩm sáng tạo. Ngược lại, các nhãn hiển thị có thể dễ dàng bị xóa hoặc che khuất và có nguy cơ dẫn

đến hiện tượng “mệt mỏi vì nhãn”, làm giảm hiệu quả theo thời gian. Việc cho phép áp dụng các công nghệ đánh dấu hiện đại, có thể đọc bằng máy, sẽ hỗ trợ tốt hơn cho mục tiêu minh bạch, đồng thời bảo đảm các yêu cầu gắn nhãn không cản trở việc hiển thị hoặc trải nghiệm các nội dung sáng tạo. Ngoài ra, chúng tôi cũng đề xuất sửa đổi danh mục các trường hợp không phải thực hiện nghĩa vụ gắn nhãn, trong đó bổ sung một quy định mang tính bao quát, có khả năng thích ứng trong tương lai, áp dụng cho những trường hợp mà bản chất nội dung do AI tạo ra đã hiển thị rõ ràng đối với người dùng hoặc công chúng. Điều này sẽ giúp tránh việc phải gắn nhãn không cần thiết trong những trường hợp không phát sinh nguy cơ gây nhầm lẫn.

Chúng tôi cũng đề xuất làm rõ rằng trách nhiệm hiển thị nhãn nên thuộc về bên thực hiện hoặc người dùng đăng tải, công bố hoặc phổ biến nội dung ra công chúng, thay vì các nhà cung cấp hoặc bên triển khai hệ thống AI. Các nhà cung cấp và bên triển khai không có khả năng giám sát mọi câu lệnh đầu vào hoặc xác định cách thức nội dung sẽ được sử dụng hoặc phân phối trên các nền tảng bên thứ ba. Do đó, việc quy định nghĩa vụ gắn nhãn thuộc về bên công bố nội dung sẽ mang tính thực tiễn và khả thi cao hơn, đồng thời vẫn bảo đảm tính minh bạch đối với người dùng cuối. Cuối cùng, chúng tôi đề xuất rằng các yêu cầu về đánh dấu kỹ thuật nên được điều chỉnh ở mức độ phù hợp, có tính đến năng lực kỹ thuật và tài chính của các bên cung cấp và bên triển khai.